Chiến lược và chính sách phát triển lâm nghiệp thế giới

Định hướng của 53 quốc gia

Phạm Thu Thủy
Ngô Hà Châu
Hoàng Minh Hiếu
Paula Williams
Hoàng Tuấn Long
Đào Thị Linh Chi

RESEARCH
PROGRAM ON
Forests, Trees and
Agroforestry

Báo cáo chuyên đề 261

Chiến lược và chính sách phát triển lâm nghiệp thế giới

Định hướng của 53 quốc gia

Phạm Thu Thủy

Ngô Hà Châu

Hoàng Minh Hiếu

Paula Williams

Hoàng Tuấn Long

Đào Thị Linh Chi

Trung tâm Nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế (CIFOR)

Báo cáo chuyên đề 261

© 2020 Tổ chức Nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế (CIFOR)

Nội dung trong ấn phẩm này được cấp quyền bởi Giấy phép bản quyền Ghi nhận công của tác giả - Phi thương mại, không chỉnh sửa, thay đổi hay phát triển - Không phát sinh 4.0. <http://creativecommons.org/licenses/by-nc-nd/4.0/>

DOI: 10.17528/cifor/007675

Phạm TT, Ngô HC, Hoàng MH, Williams P, Hoàng TL và Đào TLC. 2020. *Chiến lược và chính sách phát triển lâm nghiệp thế giới: Định hướng của 53 quốc gia*. Báo cáo chuyên đề 261. Bogor, Indonesia: CIFOR.

CIFOR
Jl. CIFOR, Situ Gede
Bogor Barat 16115
Indonesia

T +62 (251) 8622-622
F +62 (251) 8622-100
E cifor@cgiar.org

cifor.org

Chúng tôi xin cảm ơn các nhà tài trợ đã hỗ trợ cho nghiên cứu này thông qua việc đóng góp vào quỹ của CGIAR. Xin xem danh sách các nhà tài trợ: <http://www.cgiar.org/about-us/our-funders/>

Tất cả các quan điểm thể hiện trong ấn phẩm này là của các tác giả. Chúng không nhất thiết đại diện cho quan điểm của CIFOR, các cơ quan chủ quản của tác giả hay của các nhà tài trợ cho ấn phẩm này.

Mục lục

Lời cảm ơn	v
Danh mục từ viết tắt	vi
1 Bối cảnh	1
2 Xác định tỉ lệ che phủ rừng	2
3 Sứ mệnh, mục tiêu, tầm nhìn của ngành lâm nghiệp	6
4 Một số điểm mới trong xây dựng chính sách và chiến lược lâm nghiệp	18
5 Kết luận	22
Tài liệu tham khảo	23

Danh sách bảng và hộp

Bảng

1	Định hướng về độ che phủ rừng ở một số nước nghiên cứu	2
2	Phương án lựa chọn về việc đề cập tỉ lệ che phủ rừng hay không	4
3	Sứ mệnh, mục tiêu, tầm nhìn và định hướng che phủ rừng ở một số nước nghiên cứu	8

Hộp

1	Chiến lược Lâm nghiệp Bản địa Úc (Chính phủ Úc 2005)	20
2	Bhutan/Chiến lược quốc gia về lâm nghiệp cộng đồng 2010–2020 (Bộ Nông nghiệp và Lâm nghiệp Bhutan 2010)	21

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này là một hợp phần của Nghiên cứu so sánh toàn cầu về REDD+ mà CIFOR đang tiến hành (www.cifor.org/gcs). Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn hỗ trợ tài chính từ các nhà tài trợ bao gồm Cơ quan Hợp tác Phát triển Na Uy (NORAD) và Chương trình nghiên cứu CGIAR về rừng, cây và nông lâm kết hợp (CRP-FTA) đã hỗ trợ nghiên cứu này.

Danh mục từ viết tắt

CIFOR	Tổ chức nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế
CSR	Các sáng kiến trách nhiệm xã hội của công ty
EU	Liên minh Châu Âu
GEF	Quỹ môi trường toàn cầu
LTS	Chiến lược dài hạn
REDD+	Giảm phát thải từ mất rừng và suy thoái rừng
RFD	Cục lâm nghiệp Hoàng Gia
SFM	Quản lý rừng bền vững
USD	Đô la Mỹ
VNFOREST	Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam

1 Bối cảnh

Năm 2020 đánh dấu mốc quan trọng cho quá trình hình thành và xây dựng các chính sách mới cho ngành lâm nghiệp tại Việt Nam và trên thế giới. Mỗi quốc gia, tùy vào thể chế chính trị, nguồn lực tài nguyên và con người, trình độ khoa học kỹ thuật, quan điểm và tầm nhìn về vai trò của ngành lâm nghiệp trong phát triển kinh tế xã hội, sẽ có định hướng khác nhau. Tuy nhiên, kinh nghiệm và góc nhìn của các nước trong việc xây dựng chiến lược phát triển lâm nghiệp cũng cung cấp một bức tranh tổng thể và đa dạng về chính sách trên toàn cầu. Hiện nay, Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam đang xây dựng Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021–2030 với tầm nhìn tới 2050. Báo cáo này là một sản phẩm hợp tác giữa Tổng cục lâm nghiệp (VNFOREST) và Tổ chức Nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế (CIFOR) nhằm cung cấp và cập nhật thông tin đầu vào cho VNFOREST liên quan đến kinh nghiệm và bài học quốc tế liên quan đến quá trình xây dựng Chiến lược phát triển lâm nghiệp. Báo cáo rà soát và phân tích Chiến lược và chính sách phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2020–2070 của 53 quốc gia trên thế giới. Tiêu chí lựa chọn để rà soát các quốc gia này bao gồm: i) thể hiện sự đa dạng về thể chế và chính sách quản lý rừng; (ii) đại diện về mặt địa lý (vd. các nước ở cả Châu Á, Châu Phi, Châu Âu, Châu Mỹ và Châu Đại Dương); (iii) đại diện về các kiểu rừng, cũng như mức phát triển kinh tế, xã hội khác nhau.

2 Xác định tỉ lệ che phủ rừng

Theo nhiều nghiên cứu trên thế giới và theo Công ước về đa dạng sinh học (CBD), để đảm bảo sự tồn tại, sức khỏe và phát triển bền vững của hệ sinh thái rừng, tối thiểu 30% diện tích đất của mỗi quốc gia phải là đất có rừng. Bởi vậy, nhiều chính phủ trên thế giới luôn muốn xây dựng hệ thống khu bảo tồn và vườn quốc gia với diện tích chiếm 30% diện tích đất tự nhiên trên cả nước và coi đó là một trong những thành tựu trong việc đảm bảo độ đa dạng sinh học của quốc gia. Bảng 1 cho thấy các quốc gia nghiên cứu xác định tỉ lệ che phủ rừng của mình dao động từ 23% cho đến 70%. Mặc dù một số nước chưa đạt đến tỉ lệ 30% (vd. Trung Quốc), các chiến lược dài hạn khác của quốc gia đều có xu thế tiến gần tới mục tiêu này trong tương lai. Mức dao động trong tỉ lệ che phủ rừng ở các nước chủ yếu phụ thuộc vào thể chế chính trị và mục tiêu phát triển chính trị, kinh tế và xã hội.

Các quốc gia lựa chọn 3 phương án trong việc xác định tỉ lệ che phủ rừng trong chiến lược và chính sách phát triển lâm nghiệp của mình (Bảng 1):

- i. **Đề cập cụ thể tỉ lệ che phủ rừng trong chiến lược và chính sách** (Trung Quốc, Cam-pu-chia, Scot-len, Thái Lan, Bhutan, Lào);
- ii. **Không đề cập đến tỷ lệ che phủ rừng trong chiến lược và chính sách** (EU, G8, 12 nước Châu Phi Sub-Saharan, Hung-ga-ry, Úc, Áo);
- iii. **Có đề cập đến mục tiêu quản lý bảo vệ rừng nhưng không lựa chọn giải pháp tỉ lệ che phủ rừng mà tập trung vào đảm bảo diện tích rừng được sử dụng cho các mục đích cụ thể** (Phần Lan, Hà Lan).

Với mỗi phương án đều có những ưu, nhược điểm (Bảng 2).

Bảng 1. Định hướng về độ che phủ rừng ở một số nước nghiên cứu

Quốc gia/tên Chiến lược, chính sách	Định hướng về độ che phủ rừng
Trung Quốc/Luật Lâm Nghiệp 2019, bắt đầu thực thi vào tháng 7 năm 2020	Theo kế hoạch trồng rừng dài hạn, Trung Quốc dự kiến sẽ tăng tỷ lệ che phủ rừng lên 23,04% vào năm 2020 và lên 26% vào năm 2035, như một phần trong kế hoạch xây dựng một “Trung Quốc tươi đẹp”.
Cam-pu-chia/Chiến lược lâm nghiệp quốc gia 2010–2029	Diện tích che phủ rừng sẽ tăng, chiếm đến 60% tổng diện tích đất vào 2029. <ul style="list-style-type: none">• Rừng phòng hộ đạt diện tích 3,0 triệu ha• 500.000 ha rừng trồng thương mại có giá trị cao được thành lập• Hai triệu ha đất lâm nghiệp được giao cho các nhóm Lâm nghiệp Cộng đồng (khoảng 1.000 cộng đồng) được công nhận hoàn toàn với các thỏa thuận lâm nghiệp xã hội
Scot-len/Chiến Lược Lâm Nghiệp Scotland 2019–2029	Tăng độ che phủ rừng lên 21% vào năm 2032
Phần Lan/Chiến lược Lâm nghiệp Phần Lan 2025: Hướng tới tăng trưởng phúc lợi.	Mục tiêu tăng trưởng rừng hàng năm cho đến năm 2025 đặt ở mức 110 m ³ đối với rừng sản xuất thương mại và 115 triệu m ³ đối với tất cả các loại rừng
EU/Chiến lược lâm nghiệp mới của EU: đối với rừng và ngành dựa vào tài nguyên rừng 2013–2020	Không đề cập

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 1. Tiếp trang trước

Quốc gia/tên Chiến lược, chính sách	Định hướng về độ che phủ rừng
G8 (Mỹ, Italy, Nga, Nhật Bản, UK, Canada, Đức và Pháp)/Chương trình hành động lâm nghiệp khối G8 2002	Không đề cập
12 nước Châu Phi Sub-Saharan (Bénin, Burkina Faso, Cameroon, Ethiopia, Gabon, Gambia, Guinea, Lesentine, Madagascar, Senegal, Tanzania và Zimbabwe)/Luật Lâm nghiệp quốc gia của các nước ^a	Không đề cập
Thái Lan/Chiến lược Tài chính Lâm nghiệp Quốc gia Thái Lan	Từ năm 1985–2017: tối thiểu 40% (25% rừng bảo tồn và 15% rừng phát triển kinh tế và rừng cộng đồng). Riêng đối với 15% rừng kinh tế và rừng cộng đồng, không được phép để dưới con số 15% này. Từ năm 2018 cho tới nay đang dự thảo chiến lược phát triển lâm nghiệp mới.
Hung-ga-ry/Chiến lược Lâm nghiệp Quốc gia 2016–2030	Không đề cập
Rwanda (2017–2026)/Chính sách lâm nghiệp quốc gia 2017/Chương trình chiến lược phát triển ngành lâm nghiệp 2017–2022 và Kế Hoạch quản Lý Rừng 2017–2026	<ul style="list-style-type: none"> Mục tiêu che phủ rừng quốc gia là 30% diện tích đất Rwanda Mục tiêu quốc gia Rwanda để bảo vệ để duy trì đa dạng sinh học là 10,3% diện tích đất
Úc/Chiến lược Lâm nghiệp Bản địa 2005	Không đề cập
Bhutan/Chiến lược quốc gia về lâm nghiệp cộng đồng 2010–2020	Tỉ lệ che phủ rừng ít nhất 60%
Áo/Chiến lược đa dạng sinh học Áo 2020+	Không đề cập
Hà Lan/Kế hoạch Tài chính Lâm nghiệp quốc gia 2021–2025	Mạng lưới thiên nhiên quốc gia là một mạng lưới gắn kết của các khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước và đất liền chất lượng cao, bao gồm cả rừng. Tính đến ngày 1 tháng 1 năm 2017 đã hoàn thành 594 kHa của mạng (IPO 2017) ^b . Mục đích là mở rộng mạng lưới lên 640 kHa vào năm 2027. Tăng thêm 100.000 ha (tăng 25% diện tích rừng hiện tại) của rừng mới ở Hà Lan và tăng sử dụng gỗ thay thế cho năng lượng hóa thạch vật liệu chuyên sâu, ví dụ, xây dựng.
Lào/Cam kết đóng góp quốc gia tự quyết định tháng 09/2015	Tăng tỷ lệ che phủ rừng lên 70% toàn bộ diện tích đất của Lào (tương đương với 16,58 triệu hecta) vào năm 2020 bằng cách trồng rừng và tái sinh rừng bao gồm rừng trồng công nghiệp và bảo tồn những diện tích rừng tự nhiên sẵn có. Tỷ lệ che phủ năm 2015 là 58% còn số liệu 2019 chưa được báo cáo chính thức.

a 1. Bénin 1993: Luật 93-009 ngày 2 tháng 7 năm 1993 về chế độ rừng ở Cộng hòa Bénin; 2. Burkina Faso 1997: Luật 006/97/ADP về luật rừng ở Burkina Faso; 3. Cameroon 1994: Luật 94/01 tháng 1 năm 1994 về chế độ rừng, động vật hoang dã và đánh cá; 4. Ethiopia 1994: Tuyên bố 94/1994 để cung cấp cho việc bảo tồn, phát triển và sử dụng rừng; 5. Gabon 2001; 5. Luật 016/01 về Bộ luật lâm nghiệp ở Cộng hòa Gabon; 6. Gambia 1998: Đạo luật rừng 1998; 7. Guinea 1999: Luật L/99/013/AN về Bộ luật lâm nghiệp; 8. Lesentine 1998: Luật lâm nghiệp 1998; 9. Madagascar 1997: Luật 97-017 ngày 16 tháng 7 năm 1997 sửa đổi luật lâm nghiệp; 10. Sénégal 1998: Luật 98-03 tháng 1 năm 1998 về Bộ luật lâm nghiệp; 11. Tanzania 2002: Đạo luật rừng 2002, ngày 7 tháng 6 năm 2002; 12. Zimbabwe 1996: Đạo luật rừng, Chương 19:05, Phiên bản sửa đổi 1996

b [IPO] Interprovinciaal Overleg. 2017. *Derde Voortgangsrapportage Natuur - Provinciaal natuurbelid in uitvoering 2016*. Den Haag, Nederland: IPO. https://www.bij12.nl/assets/IPOboekje_Derde_Voortgangsrapportage_Natuur_DEF2.pdf.

Nguồn: Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa 2019, Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản Cam-pu-chia 2010, Scotland Wildfire Trust 2018, Bộ Nông nghiệp và Lâm nghiệp Phần Lan 2019, Liên minh Châu Âu (EU) 2013, G8 2002, Kohler và Schmithusen 2005, Cục Lâm nghiệp Hoàng gia Thái Lan 2019, Eustafor, Bộ Tài nguyên Rwanda 2017, Chính phủ Úc 2019, Bộ Nông nghiệp và Lâm nghiệp Bhutan 2010, Bộ Nông nghiệp Lâm nghiệp Môi trường và Nước Áo 2014, Arets và Schelhaas 2019, Vongvisouk và cộng sự. 2020

Bảng 2. Phương án lựa chọn về việc đề cập tỉ lệ che phủ rừng hay không

Phương án	Ưu điểm	Nhược điểm
Đề cập cụ thể tỉ lệ che phủ rừng trong chiến lược và chính sách (Trung Quốc, Cam-pu-chia, Scot-len, Thái Lan, Bhutan, Lào)	Việc xác định mục tiêu cụ thể sẽ giúp việc theo dõi, giám sát và đánh giá tiến trình và kết quả của chiến lược dễ dàng hơn. Ngoài ra việc xác định con số cụ thể sẽ giúp định hướng ngân sách, nguồn lực và các chính sách cụ thể để đạt được mục tiêu này	Mục tiêu đặt cho tương lai dài hạn nhưng biến động của thiên nhiên, tình hình kinh tế và chính trị của cả trong và ngoài nước sẽ khiến các mục tiêu này có thể không khả thi và sẽ phải điều chỉnh lại, gây tổn kém về nguồn lực con người và ngân sách
Không đề cập đến tỉ lệ che phủ rừng trong chiến lược và chính sách (EU, G8, 12 nước Châu Phi Sub-Saharan, Hung-ga-ry, Úc, Áo)	Các nước chọn giải pháp tập trung vào tầm nhìn chung và định hướng chung cho phát triển lâm nghiệp. Phần lớn các nước này đều là nước đã phát triển. Việc chỉ đề cập đến định hướng và tầm nhìn chung sẽ tạo nền tảng cho phép các chính sách lâm nghiệp được linh hoạt và sáng tạo miễn là đạt được mục tiêu chung của ngành. Việc này cũng giúp các quốc gia gắn liền chính sách lâm nghiệp với các ngành khác để tiếp cận vốn và ủng hộ chính trị. Ngoài ra, không phải nước nào cũng có thể xác định được tỉ lệ che phủ rừng khi diện tích đất rừng là tài sản tư hữu và nhà nước không có quyền can thiệp (vd. Phần Lan)	Rất khó theo dõi và đánh giá và trong một số trường hợp sẽ không chủ động về mặt tài chính vì ngân sách phân bổ cho ngành lâm nghiệp có thể lại được nằm trong ngân sách của ngành khác
Có đề cập đến mục tiêu quản lí bảo vệ rừng nhưng không lựa chọn giải pháp tỉ lệ che phủ rừng mà tập trung vào đảm bảo diện tích rừng được sử dụng cho các mục đích cụ thể (Phần Lan, Hà Lan).	Việc có đề cập đến mục tiêu cụ thể thông qua mục tiêu diện tích và trữ lượng gỗ vừa giúp hệ thống giám sát và đánh giá tiến trình thực hiện dễ dàng hơn và cũng tránh rơi vào trường hợp xây dựng tỉ lệ che phủ rừng trước nhiều yếu tố chính trị, kinh tế và xã hội không chắc chắn	Các con số cụ thể về diện tích và trữ lượng cần có các thông tin đầu vào chuẩn xác

Việc lựa chọn phương án nào phụ thuộc vào thể chế chính trị, độ chính xác và mức độ hiện có của thông tin cũng như định hướng vai trò của ngành lâm nghiệp trong tổng thể phát triển kinh tế và xã hội.

Trong quá trình xây dựng Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006–2020, các chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước, cùng với các nhóm kĩ thuật do Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn thiết lập, cũng đã xem xét và phân tích các kịch bản tỉ lệ che phủ rừng của Việt Nam dựa trên khả năng cung cầu của thị trường, định hướng phát triển kinh tế, nhân lực, trình độ khoa học kĩ thuật và sức cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam. Nhiều mô hình toán học đã được sử dụng để hỗ trợ xác định tỉ lệ che phủ rừng bao gồm:

- Mô hình dự báo nhu cầu thị trường về các sản phẩm lâm nghiệp trong và ngoài nước;
- Mô hình phát triển toàn ngành lâm nghiệp trở thành ngành kinh tế cạnh tranh.

Hai mô hình này nhằm phát triển các kịch bản phát triển công nghiệp và thương mại đối với ngành lâm nghiệp Việt Nam theo các định hướng khác nhau, ví dụ như việc tự chủ trong việc cung cấp sản lượng gỗ cho ngành công nghiệp và mục tiêu xuất khẩu dài hạn cho gỗ ván và gỗ xẻ, từ đó tính toán diện tích rừng cần thiết để đạt được mục tiêu đó. Diện tích rừng cần có cũng sẽ phải đáp ứng nhu cầu và khả năng trồng rừng của các bên có liên quan, khả năng tăng năng suất của diện tích rừng hiện có và khả năng giải quyết các thiếu hụt trong nguyên liệu bằng cách mở rộng diện tích rừng trồng. Trong quá trình xây dựng kịch bản khác nhau cho tỉ lệ che phủ rừng vào năm 2004

trong Chiến lược phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2006–2020, các kịch bản đều tuân thủ theo ưu tiên đối với bảo tồn diện tích rừng tự nhiên hiện có. Từ việc xây dựng mô hình phát triển ngành lâm nghiệp với kịch bản khác nhau, nhóm chuyên gia không chỉ xác định được diện tích rừng và tỉ lệ che phủ rừng cần có cho mỗi kịch bản, mà còn cả ngân sách và nguồn lực cần thiết để đạt được mục tiêu này, từ đó làm đầu vào cho quyết định nhà nước nên chọn tỉ lệ che phủ rừng nào là phù hợp. Chiến Lược ra đời đã lựa chọn tỉ lệ che phủ rừng với mục tiêu 42–43% vào năm 2010 và 47% vào năm 2020 theo quyết định của Chính Phủ và Đảng. Tuy nhiên, các văn bản pháp luật gần đây trong đó có Kế Hoạch Hành Động Tăng trưởng xanh, Cam kết tự nguyện quốc gia, Chương trình hành động quốc gia về giảm phát thải khí nhà kính, và Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển ngành lâm nghiệp một cách bền vững giai đoạn 2016–2020 đều đặt ra mục tiêu là 42% năm 2020 và 45% năm 2030.

Mặc dù vậy, điểm quan trọng cần lưu ý là tỉ lệ che phủ rừng không phải tiêu chí quan trọng nhất để phát triển ngành lâm nghiệp Việt Nam. Công tác quản lí rừng bền vững, đảm bảo chất lượng và đa dạng sinh học của rừng để rừng có thể cung cấp nhiều dịch vụ và sản phẩm, giúp bảo đảm an ninh lương thực và an sinh xã hội mới là điều cốt lõi trong định hướng phát triển ngành.

Việc định hướng tỉ lệ che phủ rừng trong tương lai từ năm 2020 cần dựa trên:

- Số liệu hiện có về tình trạng rừng của Việt Nam cũng như các dự báo về thay đổi tỉ lệ che phủ rừng trong tương lai.
- Số liệu về xu thế phát triển của thị trường các sản phẩm lâm sản và lâm sản ngoài gỗ
- Tình hình biến động chính trị, kinh tế, xã hội trên toàn cầu.
- Năng lực của các doanh nghiệp trong nước và thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng, trình độ năng lực và nguồn đào tạo nhân lực.
- Xác định ưu tiên của quốc gia và hài hòa hóa giữa các mục tiêu này. Việt Nam sẽ tự chủ trong việc cung ứng và sản xuất sản phẩm gỗ? Xuất khẩu tối đa sản phẩm gỗ và lâm sản ngoài gỗ? Hạn chế tối đa việc tuyệt chủng của các loài trong sách đỏ và các loài nguy cấp? Bảo vệ xói lở bờ biển và giảm thiểu tác động của nước biển dâng? Tập trung nguồn thu từ việc phát triển dịch vụ môi trường rừng?
- Xác định có cần thiết phải tăng tỉ lệ che phủ rừng không và mục đích của việc tăng tỉ lệ che phủ rừng. Sản xuất các phẩm lâm sản và dịch vụ rừng hiện nay chưa đủ đáp ứng nhu cầu thị trường? Giải pháp khác và chi phí cơ hội của diện tích rừng muốn chuyển đổi thành đất rừng để tăng tỉ lệ che phủ rừng? Liệu diện tích rừng và đất đang suy thoái có thể trở thành rừng được không? Liệu diện tích đất đang muốn chuyển thành rừng để nâng cao tỉ lệ che phủ rừng có được quy hoạch hay sử dụng bởi các ngành khác? Ngân sách để tăng tỉ lệ che phủ rừng là bao nhiêu?
- Việc đề cập tới con số tỉ lệ che phủ rừng chỉ là bước quan trọng đầu tiên và con số tỉ lệ che phủ rừng này sẽ được phân bổ và hiện thực hóa như thế nào đối với các loại rừng khác nhau, mục đích sử dụng rừng khác nhau, người quản lí rừng khác nhau, chất lượng và trữ lượng rừng khác nhau.
- Đối chiếu với kế hoạch sử dụng đất, chính sách phát triển của từng ngành có liên quan để đảm bảo tính khả thi của tỉ lệ che phủ rừng.

3 Sứ mệnh, mục tiêu, tầm nhìn của ngành lâm nghiệp

Để xây dựng chính sách và chiến lược phát triển lâm nghiệp trong tương lai, các quốc gia dựa trên phân tích các điểm mạnh của quốc gia cũng như các thách thức đối với trong và ngoài nước. Scot-len và Phần Lan xây dựng chiến lược phát triển lâm nghiệp nhằm giải quyết các thách thức và rủi ro đối với ngành lâm nghiệp. Cụ thể là, trong bối cảnh của Scot-len, các giải pháp và định hướng chiến lược lâm nghiệp được đưa ra nhằm giải quyết các thách thức bao gồm: biến đổi khí hậu, mật độ cao của hươu hoang dã, sâu bệnh hại cây (và an toàn sinh học nói chung), phát triển kinh tế, sự phân mảnh sinh cảnh (ví dụ: phát triển đô thị, phát triển năng lượng và giao thông, cơ sở hạ tầng), trồng rừng vô trách nhiệm hoặc sai cây, sai địa điểm (bao gồm cả loài, vị trí không phù hợp, độc canh, mật độ, v.v.), thẩm mỹ cảnh quan, mật độ chăn thả gia súc (vd. cừu), quản lý tài nguyên mở (Scotland Wildlife Trust 2018). Trong trường hợp của Phần Lan, Chiến lược phát triển lâm nghiệp được xây dựng nhằm ứng phó và tận dụng cơ hội trước những dự báo về thách thức cho ngành lâm nghiệp Phần Lan bao gồm: biến đổi khí hậu, nhu cầu sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên tăng cao, biến động về trạng thái của môi trường và thiên nhiên, cách mạng công nghệ, chuyển đổi nền kinh tế toàn cầu, thay đổi về giá trị và quan niệm sống, cơ cấu dân số và đô thị hóa, thay đổi trật tự chính trị quốc tế, chuyển đổi cơ cấu ngành nghề trong xã hội, và tính toàn vẹn và độ tin cậy của cơ sở hạ tầng quan trọng (Bộ Nông nghiệp và Lâm nghiệp Phần Lan).

Bảng 2 cũng thể hiện rõ hơn sự đa dạng của các nước trong việc xây dựng chiến lược và chính sách phát triển lâm nghiệp trong tương lai. Tùy vào mục tiêu và thể chế chính trị mà mỗi nước sẽ có định hướng phát triển ngành với trọng tâm khác nhau nhưng có 11 điểm chính mà tất cả các chiến lược và chính sách phát triển lâm nghiệp của các nước đều đề cập đến:

- i. *Bảo tồn đa dạng sinh học.* Chiến lược và chính sách lâm nghiệp của các nước đều đặt mục tiêu bảo tồn đa dạng sinh học và sức khỏe của hệ sinh thái rừng là ưu tiên hàng đầu. Mục tiêu bảo tồn đa dạng sinh học có thể tập trung vào bảo tồn loài (vd. Scotland) hoặc các mục tiêu đa dạng sinh học khác. Tanzania xác nhận chủ quyền đối với tài nguyên sinh vật trong rừng và xác định rằng chúng sẽ được bảo tồn và sử dụng cho người dân. Cameroon cũng có đạo luật gần tương tự. Gabon xây dựng và kết hợp 2 chính sách quản lý bền vững ngành tài nguyên nước và lâm nghiệp để đảm bảo đa dạng sinh học tổng thể trên quy mô quốc gia. Ethiopia bắt buộc các chủ rừng phải thực hiện các chỉ thị do Bộ ban hành về bảo vệ môi trường và những điều liên quan đến lưu vực, môi trường sống có giá trị đặc biệt và độc đáo, các loài cây có nguy cơ tuyệt chủng và cộng đồng rừng trong khu vực. Luật pháp của Cameroon và Lesoto đưa ra những chỉ dẫn chung về việc duy trì đa dạng sinh học như một nghĩa vụ của cơ quan lâm nghiệp. Một số quốc gia đã áp dụng các quy định liên quan đến việc phòng ngừa và kiểm soát sâu bệnh như một trách nhiệm phải báo cáo hàng năm của cả chủ rừng và cơ quan quản lý lâm nghiệp.
- ii. *Ưu tiên đầu tư vào bảo vệ rừng tự nhiên và tái trồng rừng.*
- iii. *Phát triển ngành công nghiệp gỗ và sản phẩm lâm nghiệp có giá trị gia tăng và tính cạnh tranh cao.* Tất cả các quốc gia đều xây dựng chiến lược cụ thể nhằm cải thiện tính cạnh tranh trên thị trường của ngành công nghiệp gỗ của mình.
- iv. *Quản lý rừng bền vững là kim chỉ nam xuyên suốt trong tâm điểm của các chính sách.*

- v. *Khuyến khích sự tham gia của các bên, đặc biệt là khối tư nhân và trao quyền cho cộng đồng địa phương* luôn nằm trong tâm điểm của các chiến lược phát triển lâm nghiệp của các nước. Nhiều chính sách và cơ chế tài chính mới đã được tạo ra nhằm khuyến khích khối tư nhân tham gia vào việc bảo vệ và phát triển rừng (vd. hệ thống cấp tín chỉ các-bon tại Thái Lan).
- vi. *Nâng cao năng lực cho cán bộ nhà nước trong việc thực thi pháp luật và tiến hành quản trị lâm nghiệp hiệu quả.* Nguồn ngân sách nhà nước dành cho thực hiện chiến lược được ưu tiên dành cho việc nâng cao nguồn lực con người của ngành lâm nghiệp. Các hoạt động cụ thể bao gồm nâng cao năng lực và kỹ năng quản lý cho các cán bộ lâm nghiệp, tập trung vào đào tạo nguồn lực tại tất cả các cấp đào tạo.
- vii. *Mở rộng và đầu tư trọng điểm vào các nghiên cứu khoa học cơ bản và phát triển công nghệ và phát triển thị trường cho các sản phẩm mới.*
- viii. *Quản lý hiệu quả và mở rộng diện tích khu bảo tồn để đảm bảo sức khỏe của hệ sinh thái cũng như đạt được các mục tiêu liên quan đến bảo tồn đa dạng sinh học.*
- ix. *Xây dựng hệ thống giám sát và đánh giá ngành.*
- x. *Tiếp cận đa ngành và nâng cao vai trò của ngành lâm nghiệp trong xóa đói giảm nghèo, đóng góp của ngành lâm nghiệp với các ngành nghề khác, góp phần vào phát triển nông thôn, thích ứng và giảm thiểu với khí hậu và an sinh xã hội.*
- xi. *Nhấn mạnh vai trò của Nhà nước và khối tư nhân trong đảm bảo phát triển khoa học và công nghệ.* Nhà nước thực hiện các biện pháp khuyến khích và hỗ trợ nghiên cứu khoa học trong lâm nghiệp, phổ biến công nghệ lâm nghiệp tiên tiến và ứng dụng, và nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật của lâm nghiệp.

Một số nước đặt ra những mục tiêu cụ thể với chi tiết các hoạt động (vd. Cam-pu-chia, Thái Lan, Rwanda) trong khi đó một số nước chỉ đề ra các mục tiêu vĩ mô, ngắn gọn (vd. Scot-len) mang tính định hướng tư tưởng hơn là liệt kê các hoạt động cụ thể.

Mặc dù các nước có đề cập tới những nguyên tắc phát triển ngành chung, kết quả nghiên cứu rà soát tài liệu thứ cấp cũng cho thấy nhiều điểm mới và riêng biệt trong tầm nhìn và mục tiêu mà các nước định hình cho chính sách lâm nghiệp của họ. Các điểm mới và khác biệt sẽ được trình bày trong phần dưới đây.

Bảng 3. Sứ mệnh, mục tiêu, tầm nhìn và định hướng che phủ rừng ở một số nước nghiên cứu

Quốc gia/tên Chiến lược, chính sách	Sứ mệnh/Mục tiêu/Tầm nhìn
Trung Quốc/Luật Lâm Nghiệp 2019, bắt đầu thực thi vào tháng 7 năm 2020	<ul style="list-style-type: none"> Nâng cao năng lực cung cấp gỗ trong nước theo nhu cầu thị trường nội địa. Mục đích thúc đẩy hệ sinh thái rừng ổn định, lành mạnh, chất lượng cao và hiệu quả. Phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ với nguyên liệu nhập khẩu để xuất khẩu các sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn.
Cam-pu-chia/Chiến lược lâm nghiệp quốc gia 2010–2029	<p>Phát triển và quản lý rừng đảm bảo lợi ích bền vững để cải thiện sinh kế, dịch vụ môi trường và phát triển kinh tế tổng thể. Mục tiêu cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> Quản lý rừng bền vững với kỹ thuật lâm sinh theo quy định được thực hiện trên 2,4 triệu ha rừng sản xuất. Tối thiểu 50% gỗ chế biến để xuất khẩu sẽ được chứng nhận. Doanh thu ròng từ ngành lâm nghiệp là 125 triệu USD. Thu nhập ròng trung bình hàng năm (không bao gồm chi phí thiết lập và bảo trì) từ việc lưu giữ các-bon là 25 triệu USD. Hoàn thành việc định rõ ranh giới rừng ở các vùng biên giới phân chia ranh với tổng số 120.000 km trước khi kết thúc chiến lược 10 năm Rừng phòng hộ đạt diện tích 3,0 triệu ha. 500.000 ha rừng trồng thương mại có giá trị cao được thành lập. 10 triệu cây giống được phân phối mỗi năm. Hai triệu ha đất lâm nghiệp được giao cho các nhóm Lâm nghiệp Cộng đồng (khoảng 1.000 cộng đồng) được công nhận hoàn toàn với các thỏa thuận lâm nghiệp xã hội. Ngành lâm nghiệp sẽ tự chủ về mặt kinh tế hoàn toàn.
Scốt-len/Chiến lược Lâm nghiệp Scốt-len 2019–2029	<p>Cam kết thực hiện đổi mới, lâm nghiệp đô thị và đa dạng sinh học. Khuyến khích tập trung nhiều hơn vào tái sinh tự nhiên, đa dạng loài bản địa và liên kết với các bên để ghi nhận tốt hơn, đầy đủ hơn sự đóng góp của rừng cho nền kinh tế bền vững và toàn diện, đồng thời tăng cường đa dạng sinh học. Mục tiêu cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tăng sự đóng góp của rừng và ngành lâm nghiệp cho sự tăng trưởng kinh tế bền vững và toàn diện của Scốt-len. Bảo vệ và nâng cao tài sản thiên nhiên quý giá của Scốt-len, đảm bảo rằng rừng có khả năng phục hồi và đóng góp cho môi trường lành mạnh và chất lượng cao. Sử dụng tài nguyên rừng Scốt-len để trao quyền, cải thiện sức khỏe và đời sống của người dân. <p>Tầm nhìn tới năm 2070: Scốt-len sẽ có nhiều rừng hơn, rừng được quản lý bền vững và tổng hợp hợp tốt hơn với các mục đích sử dụng đất khác nhau. Điều này sẽ đảm bảo tài nguyên rừng và cộng đồng có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và thay đổi xã hội tốt hơn, nâng cao giá trị vốn tài nguyên của rừng để có thể hỗ trợ kinh tế phát triển đảm bảo cả môi trường và cộng đồng địa phương phát triển thịnh vượng và bền vững.</p>

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 3. Tiếp trang trước

Quốc gia/tên Chiến lược, chính sách	Sứ mệnh/Mục tiêu/Tầm nhìn
Phần Lan/Chiến lược Lâm nghiệp Phần Lan 2025: Hướng tới tăng trưởng phúc lợi.	<p>Chiến lược lâm nghiệp Phần Lan tạo điều kiện cho sản xuất và đảm bảo nguồn lương thực bền vững và tái tạo, cũng như đảm bảo nền kinh tế dựa vào tự nhiên và hỗ trợ nhà sản xuất các sản phẩm lâm nghiệp có các thông tin và tài nguyên đáng tin cậy.</p> <p>Mục tiêu cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cải thiện khả năng cạnh tranh của hệ thống sản xuất lương thực và thực phẩm có trách nhiệm với môi trường và xã hội và có thể tái tạo và tái sử dụng lại. • Một nền kinh tế tài nguyên thiên nhiên tái tạo và bền vững sẽ tăng phúc lợi xã hội và thay thế việc sử dụng các thành phần thô và nguồn năng lượng không thể tái tạo. • Xã hội sẽ được phát triển thông qua các hoạt động kinh doanh và phát triển nông thôn thành công, mạng lưới phát triển đa quốc gia và bền vững. • Xây dựng dữ liệu đáng tin cậy, có sẵn và lưu hành rộng rãi tạo điều kiện kinh doanh và đảm bảo quyền sở hữu và an toàn cho các doanh nghiệp. <p>Tầm nhìn: Nền kinh tế sinh học và kinh tế tuần hoàn có trách nhiệm với tài nguyên và xã hội trở thành một phần không thể thiếu trong việc xây dựng Phần Lan trở thành một nước cạnh tranh và có phúc lợi cao vào năm 2030.</p> <p>Các chương trình trong Chiến lược phát triển lâm nghiệp bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Phân chia, phân loại và đăng kí quyền sở hữu và đăng kí tài nguyên rừng • Bảo tồn và phát triển nguồn rừng và đa dạng sinh học • Chính sách lâm nghiệp và quản lí rừng • Rừng cộng đồng • Phát triển năng lực và nghiên cứu • Tài chính lâm nghiệp bền vững

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 3. Tiếp trang trước

Quốc gia/tên Chiến lược, chính sách	Sứ mệnh/Mục tiêu/Tầm nhìn
EU/Chiến lược lâm nghiệp mới của EU: đối với rừng và ngành dựa vào tài nguyên rừng 2013–2020	<p>Mục tiêu lâm nghiệp đến năm 2020: đảm bảo và chứng minh rằng tất cả các khu rừng ở EU được quản lý theo các nguyên tắc quản lý rừng bền vững. Đóng góp của EU vào việc thúc đẩy quản lý rừng bền vững và giảm nạn phá rừng ở cấp độ toàn cầu thông qua:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Góp phần cân bằng các chức năng rừng khác nhau, đáp ứng nhu cầu và cung cấp các dịch vụ hệ sinh thái quan trọng. • Tạo cơ sở cho lâm nghiệp và toàn bộ chuỗi giá trị lâm nghiệp trở nên cạnh tranh và giúp nền kinh tế sinh học trở nên khả thi và đi vào thực tiễn. • Quản lý rừng và vai trò đa chức năng của rừng một cách bền vững. • Sử dụng tài nguyên hiệu quả, tối ưu hóa sự đóng góp của rừng và ngành lâm nghiệp cho phát triển nông thôn, tăng trưởng kinh tế và tạo việc làm. • Đẩy mạnh sản xuất lâm nghiệp toàn cầu một cách có trách nhiệm, thúc đẩy sản xuất và tiêu thụ lâm sản bền vững. <p>8 lĩnh vực ưu tiên của Chiến lược phát triển lâm nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Hỗ trợ cộng đồng nông thôn và thành thị; • Thúc đẩy khả năng cạnh tranh và bền vững của các ngành công nghiệp từ rừng EU, năng lượng sinh học và nền kinh tế xanh mạnh hơn; • Nâng cao nhận thức và kiến thức khoa học về quản lý rừng trong bối cảnh biến đổi khí hậu; • Bảo vệ rừng và tăng cường các dịch vụ hệ sinh thái; • Nâng cao hiểu biết và kiến thức khoa học về tài nguyên rừng sẵn có và sự thay đổi của rừng; • Đổi mới ngành lâm nghiệp thông qua sáng tạo và tạo ra các sản phẩm giá trị gia tăng cao; • Đồng quản lý rừng một cách hiệu quả giữa các bên có liên quan; • Đặt rừng và ngành lâm nghiệp trong bối cảnh thay đổi toàn cầu.
G8 (Mỹ, Italy, Nga, Nhật Bản, UK, Canada, Đức và Pháp)/Chương trình hành động lâm nghiệp khối G8 2002	<p>Chương trình hành động bao gồm năm lĩnh vực có tầm quan trọng đặc biệt:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Theo dõi và đánh giá; • Các chương trình lâm nghiệp quốc gia; • Khu vực được bảo vệ (Vườn Quốc Gia và Khu bảo tồn); • Khối tư nhân; • Khai thác gỗ bất hợp pháp.

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 3. Tiếp trang trước

Quốc gia/tên Chiến lược, chính sách	Sứ mệnh/Mục tiêu/Tầm nhìn
G8 (Mỹ, Italy, Nga, Nhật Bản, UK, Canada, Đức và Pháp)/Chương trình hành động lâm nghiệp khối G8 2002	<p>Mục tiêu của chương trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thảo luận các vấn đề mật thiết liên quan đến rừng trong các chương trình nghị sự trong nước và quốc tế; • Thực hiện các cam kết quốc tế, chương trình mở rộng về đa dạng sinh học rừng của CBD; • Tăng mức tài chính cho quản lý rừng bền vững từ tất cả các nguồn; • Chống khai thác và sử dụng gỗ bất hợp pháp; • Tăng cường xây dựng năng lực và chuyển giao công nghệ để giải quyết việc loại bỏ khai thác gỗ bất hợp pháp; • Thực hiện các hành động để loại bỏ xuất khẩu và nhập khẩu gỗ khai thác và các sản phẩm liên quan trái phép; • Hỗ trợ các quy trình liên tục về thực thi pháp luật; • Nhấn mạnh vai trò của quản lý rừng bền vững ở tất cả các quốc gia để xóa đói giảm nghèo, giảm suy thoái đất đai và tài nguyên, cải thiện an ninh lương thực, cũng như tiếp cận với nước uống và năng lượng an toàn; • Các vấn đề liên quan đến rừng sẽ vẫn là ưu tiên. Các thành viên G8 sẽ tiến hành các giải pháp để thực hiện các cam kết quốc tế và giải quyết các thách thức ở các diện tích rừng trên thế giới; • Thông qua sự tham gia tích cực vào các sáng kiến liên quan đến rừng của các tổ chức liên chính phủ khác nhau, các thành viên G8 sẽ tiếp tục thúc đẩy quan hệ đối tác giữa các chính phủ và các bên liên quan, bao gồm khối tư nhân, cộng đồng địa phương và các bên liên quan khác; • Xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển lâm nghiệp, cải thiện thực thi lâm luật và quản trị rừng bao gồm: thúc đẩy sự tham gia của các bên có liên quan, cải cách chính sách liên quan đến phát triển kinh tế lâm nghiệp, sở hữu đất đai, chính sách hải quan liên quan đến xuất nhập khẩu, theo dõi chuỗi hành trình sản phẩm; phát triển các thỏa thuận song phương, liên vùng, nội vùng và đa phương; xây dựng năng lực và chuyển giao công nghệ trong khối và ngoài khối EU.
12 nước Châu Phi Sub-Saharan (Bénin, Burkina Faso, Cameroon, Ethiopia, Gabon, Gambia, Guinea, Lesentine, Madagascar, Senegal, Tanzania và Zimbabwe)/Luật Lâm nghiệp quốc gia của các nước ^a	<ul style="list-style-type: none"> • Các hoạt động lâm nghiệp phải được kết hợp nhất quán hơn với các chính sách và pháp luật về môi trường và phát triển quốc gia. Chính sách phát triển lâm nghiệp phải được lồng ghép vào các chính sách của các ngành khác. • Xây dựng một định nghĩa chính xác về các mục tiêu kinh tế, sinh thái và xã hội của phát triển ngành lâm nghiệp từ đó tạo tiền đề thiết yếu để định vị rõ ràng vị trí ngành lâm nghiệp đối với các ngành liên quan khác.

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 3. Tiếp trang trước

Quốc gia/tên Chiến lược, chính sách	Sứ mệnh/Mục tiêu/Tầm nhìn
Thái Lan/Chiến lược Tài chính Lâm nghiệp Quốc gia Thái Lan	<p>Trong giai đoạn 2015–2019, tăng diện tích rừng và thúc đẩy sự hợp tác và phối hợp giữa các cơ quan khác nhau trong việc quản lý rừng bền vững. Các chiến lược chính của ngành bao gồm: i) thúc đẩy trồng rừng ở vùng đất tư nhân, ii) thúc đẩy các cơ sở lâm nghiệp cộng đồng và iii) giải quyết các vấn đề tranh chấp đất đai ở các khu vực rừng được chỉ định; (iv) giải quyết các mối đe dọa hiện tại đối với quản lý rừng bền vững bao gồm mở rộng nông nghiệp, khai thác và săn bắn trái phép, cháy rừng không được kiểm soát, cũng như các vấn đề khác.</p> <p>Từ năm 2018, Nhà nước đang chuẩn bị một dự thảo Chính sách lâm nghiệp quốc gia bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đảm bảo Thái Lan có đủ diện tích rừng phù hợp với tính toàn vẹn của hệ sinh thái và sử dụng bền vững. 2. Ngăn chặn và giảm thiểu hiệu quả việc phá hủy tài nguyên rừng và động vật hoang dã quốc gia. 3. Bảo tồn và sử dụng tài nguyên rừng, động vật hoang dã và đa dạng sinh học một cách phù hợp, bền vững, công bằng và là nền tảng cho sự phát triển quốc gia và chất lượng cuộc sống của người dân, bằng cách tính đến cân bằng xã hội, kinh tế và môi trường. 4. Đảm bảo hệ thống quản trị tài nguyên rừng hiệu quả dựa trên kiến thức và sự đổi mới và sự tham gia của tất cả các ngành. <p>Dự thảo Chính sách lâm nghiệp quốc gia đề xuất 24 quy định chính sách trên ba lĩnh vực chính; i) quản lý rừng, ii) sử dụng lâm sản và dịch vụ rừng, iii) phát triển hệ thống quản lý và tổ chức lâm nghiệp.</p>
Thái Lan/Chiến lược Tài chính Lâm nghiệp Quốc gia Thái Lan	<p>Định hướng quản lý rừng và phát triển ngành:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đảm bảo sự thống nhất và phối hợp trong quá trình quản lý rừng ở các cấp và giữa các ngành có liên quan. 2. Phân loại diện tích rừng để quản lý tổng thể cấp quốc gia và khu vực, cũng như xác định hướng dẫn quản lý và sử dụng đất rừng phù hợp ở từng khu vực. 3. Cải thiện độ chính xác trong việc phân chia ranh giới của đất rừng công cộng thông qua ứng dụng khoa học công nghệ và có sự tham gia của người dân. 4. Phát triển hệ thống thông tin tài nguyên rừng, ở cả cấp quốc gia và khu vực, cũng như kết nối với thông tin về kinh tế, xã hội và các nguồn lực khác của đất nước, và chỉ định cơ quan hoặc nhóm người có trách nhiệm rõ ràng và phù hợp. 5. Thúc đẩy và hỗ trợ vai trò và trách nhiệm của tất cả các ngành để tạo ra nhận thức và sự tham gia, bao gồm cả trách nhiệm bảo tồn, quản lý và phát triển bền vững tài nguyên rừng. 6. Ngăn chặn hiệu quả sự tàn phá tài nguyên ở trên tất cả các loại đất rừng công cộng. 7. Quản lý rừng bảo tồn đa dạng sinh học, duy trì tính toàn vẹn của hệ sinh thái một cách tối đa. Việc sử dụng tài nguyên rừng chỉ được cho phép khi phù hợp với khả năng cung ứng hệ sinh thái, và đáp ứng các mục đích công bao gồm giáo dục, nghiên cứu và giải trí. 8. Tổ chức và giải quyết các tranh chấp liên quan đến sở hữu hoặc sử dụng đất rừng của nhà nước một cách phù hợp và công bằng theo các quy định của pháp luật có liên quan và có tính đến tác động đến hệ sinh thái rừng và môi trường từ việc sử dụng đất rừng. Các quá trình giải quyết tranh chấp phải được hoàn thành trong khung thời gian quy định.

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 3. Tiếp trang trước

Quốc gia/tên Chiến lược, chính sách	Sứ mệnh/Mục tiêu/Tầm nhìn
Thái Lan/Chiến lược Tài chính Lâm nghiệp Quốc gia Thái Lan	<p>9. Xây dựng các cơ chế kinh tế và tiếp thị phù hợp để hỗ trợ phát triển tài nguyên rừng.</p> <p>10. Thực hiện phục hồi rừng hoàn toàn trong các khu vực rừng bảo tồn, trong đó khu vực phục hồi rừng trọng điểm được xác định rõ ràng và liên tục.</p> <p>11. Cần có sự giám sát và đánh giá, cũng như phổ biến hiệu suất cho công chúng. Hoạt động được thực hiện thông qua sự tham gia của tất cả các ngành và với sự xác định rõ ràng trách nhiệm của các cơ quan chính phủ, cả ở cấp trung ương, khu vực và địa phương.</p> <p>12. Thúc đẩy và hỗ trợ quản lý rừng cộng đồng hiệu quả để có thể mang lại lợi ích cho cộng đồng, nâng cao nhận thức cho người dân về bảo tồn rừng, cũng như củng cố cộng đồng và khu vực địa phương và góp phần phát triển tài nguyên rừng bền vững.</p> <p>13. Phát triển hệ thống quản lý động vật hoang dã toàn diện, cũng như xác định các giải pháp cụ thể cho xung đột giữa người và động vật hoang dã và động vật hoang dã được bảo vệ và sử dụng hợp lý để phát triển hệ sinh thái, xã hội, kinh tế và môi trường của đất nước.</p>
	<p>Quy định chính sách về sử dụng lâm sản và dịch vụ rừng đem lại và xây dựng nguồn lực cho ngành lâm nghiệp.</p> <p>1. Thúc đẩy việc trồng cây kinh tế, cả trên đất công đang cấp quyền sử dụng cho người dân và trên đất thuộc sở hữu tư nhân hoặc thuộc sở hữu phi quốc gia để đáp ứng cho nhu cầu của rừng và việc sử dụng trong tất cả các lĩnh vực.</p> <p>2. Thúc đẩy và hỗ trợ tất cả các ngành sử dụng lâm sản ở tất cả các cấp và phát triển kinh tế từ tài nguyên rừng một cách phù hợp và có kết quả cụ thể.</p> <p>3. Phát triển và thúc đẩy hệ thống chứng nhận rừng tuân thủ các tiêu chuẩn chứng nhận rừng, và được chấp nhận và công nhận ở cả cấp quốc gia và quốc tế.</p> <p>4. Thúc đẩy và hỗ trợ sự cân bằng và sử dụng bền vững các dịch vụ hệ sinh thái rừng và đảm bảo tính toàn vẹn của hệ thống. Quy định chính sách về phát triển hệ thống hành chính và tổ chức lâm nghiệp.</p> <p>5. Cải thiện cơ cấu tổ chức liên quan đến lâm nghiệp để có thể quản lý rừng bảo tồn, rừng kinh tế và rừng cộng đồng một cách hiệu quả.</p> <p>6. Phát triển năng lực của các cơ quan chính phủ với vai trò tạo điều kiện và cấp phép cho người dân để thực hiện các nhiệm vụ này và các dịch vụ khác một cách hiệu quả, thuận tiện, nhanh chóng, minh bạch bằng cách áp dụng công nghệ phù hợp.</p> <p>7. Phát triển và thúc đẩy quản trị tốt cho toàn bộ hệ thống quản lý rừng, trong đó khu vực chính phủ linh hoạt trong quản lý nguồn nhân lực, thể hiện hệ thống đạo đức, công chức nhà nước tuân thủ các giá trị làm việc cho người dân và đất nước, với đạo đức và tiến bộ con đường sự nghiệp.</p>

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 3. Tiếp trang trước

Quốc gia/tên Chiến lược, chính sách	Sứ mệnh/Mục tiêu/Tầm nhìn
Hung-ga-ry/Chiến lược lâm nghiệp quốc gia 2016–2030	<p>8. Phát triển năng lực cho cán bộ nhà nước trong ngành lâm nghiệp ở tất cả các cấp để có kỹ năng chuyên môn về công việc lâm nghiệp phù hợp với vị trí của họ, bao gồm cung cấp phúc lợi cho nhân viên hoặc cán bộ làm việc để bảo vệ tài nguyên rừng trong lĩnh vực phù hợp với tính chất công việc, và không ít hơn các nhân viên khác có đặc điểm làm việc tương tự.</p> <p>9. Thiết lập một kế hoạch chiến lược hoặc nghiên cứu cho ngành lâm nghiệp trong chính sách, chiến lược hoặc kế hoạch nghiên cứu quốc gia và/hoặc xem xét thành lập một viện nghiên cứu lâm nghiệp quốc gia bao gồm hỗ trợ và phát triển công việc học thuật, nghiên cứu và đổi mới để đáp ứng cải cách lâm nghiệp toàn diện.</p> <p>10. Cải thiện và phát triển luật lâm nghiệp và các nghị quyết phù hợp với bối cảnh xã hội và hoàn cảnh thay đổi, sử dụng như một công cụ quản lý rừng tổng thể bao gồm phát triển thực thi pháp luật liên quan đến hiệu quả, bình đẳng và sử dụng công nghệ hiện đại để tăng hiệu quả thực thi pháp luật</p>
	<p>Chiến lược lâm nghiệp quốc gia gồm 11 chương trình lớn:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Phát triển quản lý rừng nhà nước • Phát triển quản lý rừng tư nhân • Phát triển nông thôn và khu vực, trồng rừng, bảo tồn rừng • Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên rừng • Bảo vệ diện tích rừng hiện có • Quản lý rừng bền vững • Sử dụng gỗ hợp lý • Nhiệm vụ của quản lý rừng • Nghiên cứu, giáo dục và phát triển sản xuất • Truyền thông hiệu quả về rừng để cải thiện mối quan hệ giữa người và rừng <p>Ưu tiên của chiến lược là đảm bảo bảo tồn và làm giàu rừng, giảm tác động của biến đổi khí hậu và xem xét tác động của các yếu tố tự nhiên và sự can thiệp của con người đến hệ sinh thái và môi trường sống của rừng và thúc đẩy sự hỗ trợ xã hội ngày càng tăng cho những nỗ lực thúc đẩy bảo tồn thiên nhiên trong rừng và mở rộng quản lý rừng gắn gũi với thiên nhiên.</p>

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 3. Tiếp trang trước

Quốc gia/tên Chiến lược, chính sách	Sứ mệnh/Mục tiêu/Tầm nhìn
Rwanda (2017–2026)/Chính sách lâm nghiệp quốc gia 2017/Chương trình chiến lược phát triển ngành lâm nghiệp 2017–2022 và Kế Hoạch quản Lý Rừng 2017–2026	<p data-bbox="443 325 629 352">Mục tiêu cụ thể:</p> <ol data-bbox="443 357 2029 1246" style="list-style-type: none"> 1. Tăng mức độ tham gia của khu vực tư nhân vào các hoạt động sản xuất, quản lý và sản xuất rừng 2. Tạo ra các ưu đãi để các nhà thầu đấu thầu cạnh tranh, qua đó nhà thầu thể hiện mức giá trị gia tăng hiệu quả cao nhất, tạo việc làm, quản lý rừng hoặc các tiêu chí khác để đáp ứng các mục tiêu của ngành lâm nghiệp 3. Hoàn thiện cơ cấu và hoạt động của tổ chức Cơ quan Quản lý Tài nguyên, nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ thuật được điều chỉnh và nâng cấp theo nhu cầu cụ thể của việc quản lý rừng Rwanda 4. Hệ thống dữ liệu, kiểm kê, lập bản đồ, mô hình hóa, dịch vụ khuyến nông của Cơ quan Quản lý Tài nguyên được nâng cấp để hỗ trợ nhu cầu của nhân viên kỹ thuật và chuyên môn trong việc quản lý tài nguyên đất rừng và rừng Rwanda 5. Nâng cao năng lực thực hiện hoặc quản lý nghiên cứu lâm nghiệp của Rwanda 6. Năng lực sản xuất cây giống quốc gia được xác định đầy đủ, nâng cấp và tăng lên 7. Khả năng trồng rừng quốc gia được xác định, nâng cấp và tăng lên 8. Cơ quan Quản lý Tài nguyên có khả năng thiết lập tốt để giám sát sản xuất cây giống, tỷ lệ sống cao và có xu hướng đảm bảo mức thả giống mục tiêu ở tuổi thu hoạch 9. Rừng sinh khối sẽ được quản lý theo tiêu chuẩn được thiết kế đặc biệt để đảm bảo lựa chọn giống phù hợp, tăng trưởng và năng suất tối đa và mất mùa tối thiểu 10. Hiệu quả năng lượng sinh khối được cải thiện bằng cách cấp giấy phép khai thác thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp chứng minh hiệu quả cải thiện trong tiêu thụ nguyên liệu thu hoạch 11. Cơ quan Quản lý Tài nguyên chủ động tham gia với các bộ hoặc cơ quan khác bằng mọi cách chịu trách nhiệm cải thiện hiệu quả tiêu thụ năng lượng sinh khối hoặc giảm tiêu thụ sinh khối cho năng lượng 12. Rừng tự nhiên Rwanda được bảo tồn 13. Tài nguyên đất rừng và rừng sẽ được quản lý tích cực để bảo tồn và nâng cao năng lực sản xuất đất và nước và hệ thống hỗ trợ cuộc sống 14. Chi trả cho các dịch vụ hệ sinh thái (PES) sẽ được xây dựng và áp dụng cho người sử dụng tài nguyên để nội bộ hóa chi phí xã hội của sự xuống cấp nhanh chóng, ngăn chặn sử dụng tài nguyên không bền vững và tài trợ cho chi phí bảo tồn và phục hồi hệ sinh thái. 15. Lập kế hoạch, quản lý và chia sẻ lợi ích công bằng giới 16. Lập kế hoạch phát triển rừng để đáp ứng các mối quan tâm, yêu cầu và nguyện vọng của các bên liên quan, nhằm phát triển tài nguyên rừng địa phương. 17. Tăng độ che phủ rừng trên đất nông nghiệp. 18. Năng suất đất và lợi nhuận kinh tế của người dân tăng lên; suy thoái được giảm thiểu và đảo ngược. 19. Sự đa dạng và giá trị gia tăng của các loại cây nông lâm nghiệp chung tăng lên; cơ hội thị trường sản phẩm mới và giá trị gia tăng liên quan cũng được mở rộng và phát triển. <p data-bbox="443 1278 1061 1305">Tầm nhìn từ năm 2020 trở đi của ngành lâm nghiệp là:</p> <ul data-bbox="443 1310 1525 1402" style="list-style-type: none"> • Cải thiện sinh kế thông qua tạo việc làm • Tăng giá trị gia tăng và doanh thu từ sử dụng rừng • Tăng cường sự cân bằng của các dòng lợi ích hướng tới năng suất bền vững và bảo tồn sinh thái

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 3. Tiếp trang trước

Quốc gia/tên Chiến lược, chính sách	Sứ mệnh/Mục tiêu/Tầm nhìn
New Zealand/Chiến lược Lâm nghiệp 2020–2050+	<p>Chiến lược có các tầm nhìn và mục tiêu cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Hỗ trợ các ngành công nghiệp và hoạt động liên quan đến lâm nghiệp • Cải thiện phúc lợi xã hội, môi trường và kinh tế của người dân New Zealand từ tài nguyên và đóng góp của ngành lâm nghiệp • Xây dựng và tạo ra nhu cầu xã hội đối với ngành lâm nghiệp ngày càng tăng theo thời gian <p>Chiến lược 2020 vẫn đang được hoàn thiện và gặp phải sự trì hoãn do dịch COVID19</p>
Áo/Chiến lược lâm nghiệp và đa dạng sinh học Áo 2020+	<p>Mục tiêu chính là ngăn chặn sự mất đa dạng sinh học và suy thoái các dịch vụ hệ sinh thái ở Liên minh châu Âu vào năm 2020, và khôi phục hệ sinh thái và đa dạng sinh học tối đa có thể, đồng thời đẩy mạnh đóng góp của Liên minh châu Âu trong việc ngăn chặn mất đa dạng sinh học toàn cầu. Cụ thể qua 12 mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tầm quan trọng của đa dạng sinh học được xã hội thừa nhận • Hoạt động giám sát và nghiên cứu đa dạng sinh học được mở rộng • Bảo vệ nông lâm nghiệp và cải thiện đa dạng sinh học • Tài nguyên thủy hải sản thích nghi với điều kiện môi trường tự nhiên • Hoạt động du lịch và giải trí phù hợp với mục tiêu đa dạng sinh học • Cung cấp năng lượng thân thiện với đa dạng sinh học • Ô nhiễm được giảm thiểu • Tác động tiêu cực của các loài ngoại lai xâm lấn được giảm thiểu • Các yếu tố và nhân tố tác động tiêu cực đến đa dạng sinh học, bao gồm cả trợ cấp cho các hoạt động phá rừng, bị bãi bỏ hoặc được cải thiện • Môi trường sống của các loài sinh vật và thực vật được bảo tồn • Đa dạng sinh học và các dịch vụ hệ sinh thái được cân nhắc trong quy hoạch không gian và thời gian • Góp phần khắc phục khủng hoảng đa dạng sinh học toàn cầu đã và đang diễn ra <p>Tầm nhìn 2050: Đến năm 2050, đa dạng sinh học của Liên minh châu Âu và các dịch vụ hệ sinh thái mà nó cung cấp - giá trị tự nhiên - được bảo vệ, trân trọng và được phục hồi một cách thích hợp. Điều này sẽ đảm bảo và nâng cao đóng góp thiết yếu của đa dạng sinh học vào sự phát triển thịnh vượng của xã hội và kinh tế, và giúp ngăn chặn những hệ quả thảm khốc do mất đa dạng sinh học.</p>

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 3. Tiếp trang trước

Quốc gia/tên Chiến lược, chính sách	Sứ mệnh/Mục tiêu/Tầm nhìn
Hà Lan/Kế hoạch Tài chính Lâm nghiệp quốc gia 2021–2025	<p>Kể từ năm 2018, chính phủ Hà Lan đã thông qua Đạo luật Khí hậu quốc gia, thiết lập khuôn khổ phát triển các chính sách nhằm giảm phát thải khí nhà kính Hà Lan không thể đảo ngược và từng bước nhằm hạn chế sự nóng lên toàn cầu và biến đổi khí hậu. Đạo luật đã có hiệu lực từ ngày 1 tháng 9 năm 2019, thể hiện cam kết tài chính của Chính phủ để giảm phát thải 95% (so với năm 1990) cho đến năm 2050, và các hành động cụ thể hơn, giảm phát thải 49% vào năm 2030.</p> <p>Trong bối cảnh này, định hướng chính sách lâm nghiệp ở Hà Lan là tích hợp chính sách lâm nghiệp vào chính sách của các ngành nghề khác, hướng tới các khu rừng được sử dụng đa mục đích kết hợp nhiều chức năng hơn (ví dụ: tự nhiên, giải trí). Do vậy, chính sách lâm nghiệp của Hà Lan tập trung vào xây dựng một mạng lưới vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên đã được phân cấp từ chính quyền trung ương đến chính quyền bang. Hà Lan tập trung xây dựng chính sách và kế hoạch hành động cho đầu tư - phát triển ngành lâm nghiệp và khả năng lưu trữ các-bon liên quan. Trong số các đề xuất cải tiến trong quản lý rừng, kế hoạch hành động cũng đề xuất các hành động có khả năng tăng thêm 100.000 ha (tăng 25% diện tích rừng hiện tại) của rừng mới ở Hà Lan và tăng sử dụng gỗ thay thế cho năng lượng hóa thạch vật liệu chuyên sâu, ví dụ như xây dựng.</p>
a	<p>1. Bénin 1993: Luật 93-009 ngày 2 tháng 7 năm 1993 về chế độ rừng ở Cộng hòa Bénin; 2. Burkina Faso 1997: Luật 006/97/ADP về luật rừng ở Burkina Faso; 3. Cameroon 1994: Luật 94/01 tháng 1 năm 1994 về chế độ rừng, động vật hoang dã và đánh cá; 4. Ethiopia 1994: Tuyên bố 94/1994 để cung cấp cho việc bảo tồn, phát triển và sử dụng rừng; 5. Gabon 2001; 5. Luật 016/01 về Bộ luật lâm nghiệp ở Cộng hòa Gabon; 6. Gambia 1998: Đạo luật rừng 1998; 7. Guinea 1999: Luật L/99/013/AN về Bộ luật lâm nghiệp; 8. Lesentine 1998: Luật lâm nghiệp 1998; 9. Madagascar 1997: Luật 97-017 ngày 16 tháng 7 năm 1997 sửa đổi luật lâm nghiệp; 10. Sénégal 1998: Luật 98-03 tháng 1 năm 1998 về Bộ luật lâm nghiệp; 11. Tanzania 2002: Đạo luật rừng 2002, ngày 7 tháng 6 năm 2002; 12. Zimbabwe 1996: Đạo luật rừng, Chương 19:05, Phiên bản sửa đổi 1996</p>

Nguồn: Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa 2019, Bộ Nông nghiệp Lâm nghiệp và Thủy sản Cam-pu-chia 2010, Scotland Wildfire Trust 2018, Bộ Nông nghiệp và Lâm nghiệp Phần Lan 2019, Liên minh Châu Âu (EU) 2013, G8 2002, Kohler và Schmithüsen 2005, Cục Lâm nghiệp Hoàng gia Thái Lan 2019, Eustafor, Bộ Tài nguyên Rwanda 2017, Te Uru Rākau New Zealand 2020, Bộ Nông nghiệp Lâm nghiệp Môi trường và Nước Áo 2014, Arets và Schelhaas 2019.

4 Một số điểm mới trong xây dựng chính sách và chiến lược lâm nghiệp

Kết quả rà soát tài liệu thứ cấp cho thấy Chiến lược phát triển lâm nghiệp của 53 quốc gia có một số điểm mới và khác biệt so với xu thế phát triển chung hiện nay.

Gắn trách nhiệm với từng công dân. Luật Lâm Nghiệp 2019, bắt đầu thực thi vào tháng 7 năm 2020 của Trung Quốc quy định rằng trồng cây, trồng rừng và bảo vệ rừng là nghĩa vụ của công dân. Chính quyền nhân dân các cấp nên tổ chức các hoạt động trồng cây và trồng rừng tự nguyện của mọi người dân. Ngày 12 tháng 3 được chỉ định là ngày trồng cây bắt buộc với mọi công dân.

Hỗ trợ chuyển đổi thành rừng tại những nơi có giá trị đa dạng sinh học cao. Luật Lâm Nghiệp 2019, bắt đầu thực thi vào tháng 7 năm 2020 của Trung Quốc ghi rõ Nhà nước hỗ trợ chuyển đổi và phát triển các vùng rừng trọng điểm, bảo vệ và phục hồi tài nguyên rừng, cải thiện điều kiện sản xuất và sinh hoạt, và thúc đẩy phát triển kinh tế và xã hội ở đó. Các khu vực rừng trọng điểm sẽ được hưởng thanh toán chuyển nhượng và các chính sách khác của các khu chức năng sinh thái quan trọng của Nhà nước theo quy định. Nhà nước hỗ trợ bảo vệ và phục hồi tài nguyên rừng ở những khu vực dễ bị tổn thương về mặt sinh thái.

Xây dựng các khu rừng vì phúc lợi xã hội và dành cho công chúng. Luật Lâm Nghiệp 2019, bắt đầu thực thi vào tháng 7 năm 2020 của Trung Quốc Quy định rằng Nhà nước chỉ định các khu đất rừng có vị trí sinh thái quan trọng để phát huy đầy đủ lợi ích sinh thái như rừng phúc lợi công cộng. Các khu rừng phúc lợi công cộng nên được chỉ định và công bố bởi Hội đồng Nhà nước và chính quyền nhân dân của các tỉnh, khu tự trị và đô thị trực thuộc Chính phủ Trung Ương. Đất rừng ở các khu vực sau được phân loại là rừng phúc lợi công cộng: (1) các khu vực khai thác tại nguồn của các con sông quan trọng; (2) khu vực bảo vệ của các sông chính, phụ lưu và nguồn nước uống; (3) các khu vực xung quanh vùng đất ngập nước quan trọng và các hồ chứa quan trọng; (4) khu bảo tồn thiên nhiên của rừng và động vật hoang dã trên cạn; (5) các vành đai rừng khô cơ bản của các khu rừng chắn gió và cát cố định trong các khu vực sa mạc hóa nghiêm trọng và xói mòn đất; (6) nơi trú ẩn ven biển; (7) diện tích rừng nguyên sinh chưa phát triển và chưa sử dụng; và (8) các khu vực khác sẽ được chỉ định. Nếu việc phân định rừng phúc lợi công cộng liên quan đến đất rừng không thuộc sở hữu nhà nước, cần phải ký một thỏa thuận bằng văn bản với bên có nghĩa vụ và phải bồi thường hợp lý. Nếu rừng phúc lợi công cộng được điều chỉnh, cần được phê duyệt bởi cơ quan phân định ban đầu và được công bố. Các quy định về phân định và quản lý rừng phúc lợi công cộng cấp nhà nước được xây dựng bởi Hội đồng Nhà nước; các quy định về phân định và quản lý rừng phúc lợi công cộng cấp địa phương được xây dựng bởi chính quyền nhân dân của các tỉnh, khu tự trị và đô thị trực thuộc chính quyền trung ương. Nhà nước bảo vệ nghiêm ngặt các khu rừng phúc lợi công cộng.

Lâm nghiệp đô thị cũng là trọng tâm phát triển của nhiều chiến lược bao gồm Trung Quốc và các nước Châu Âu.

Chiến lược huy động tài chính cho ngành lâm nghiệp. Đảm bảo nguồn tài chính bền vững cho phát triển lâm nghiệp luôn là một trong những ưu tiên hàng đầu của các quốc gia. Tuy nhiên, Thái Lan và Scot-len là hai nước xây dựng cụ thể Chiến lược huy động và đảm bảo nguồn tài chính cho ngành. Chiến lược huy động tài chính cho ngành Lâm nghiệp ở Thái Lan bao gồm 5 nguồn sau:

- Ngân sách chính phủ thông qua bộ chính là Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ Tài chính)
- Ngân sách chính phủ thông qua các bộ khác và ngân sách thông qua các tổ chức hành chính cấp huyện và tỉnh, quỹ môi trường quốc gia và quỹ nghiên cứu quốc gia

- Tổ chức khu vực tư nhân: Các tổ chức khu vực tư nhân đang hoạt động và ngày càng hỗ trợ các dự án và hoạt động quản lý rừng bền vững trong nước, chủ yếu thông qua các chương trình và sáng kiến về Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp như tái trồng rừng, phục hồi hệ sinh thái, phòng chống cháy rừng, hỗ trợ sinh kế địa phương phát triển và trao giải thưởng cho các khu rừng cộng đồng xuất sắc, v.v ... Một số tổ chức thuộc khu vực tư nhân như Toyota Thái Lan, Isuzu Thái Lan, PTT Global Chemical (PTT GC), RATCH Group, Siam Xi măng (SCG), Charoen Pokphand (CP), Siam Commercial Bank (SCB), Kasikorn Bank, v.v ... Ước tính sự hỗ trợ từ các tổ chức khu vực tư nhân trị giá hơn 544 triệu Baht hoặc 17,85 triệu USD trong năm năm qua.
- Nhà tài trợ song phương và đa phương
- Xây dựng Quỹ rừng. Quỹ rừng có thể là một cơ chế khác để tập hợp tài chính từ các nguồn khác nhau và nhằm mục đích quản lý rừng bền vững. Đây cũng sẽ là một nền tảng chiến lược cho sự hợp tác của các bên liên quan bao gồm chính phủ, khu vực tư nhân và cộng đồng địa phương. Quỹ sẽ giúp tăng cường quy trình quản lý rừng của các cộng đồng địa phương ở các vùng khác nhau trong việc tiếp cận hỗ trợ tài chính, xây dựng các dự án tiềm năng hoặc sử dụng để trong quá trình xin tài trợ như cơ chế đồng tài trợ trong đề xuất dự án.

Nguồn của quỹ phát triển rừng bền vững tại Thái Lan có thể là từ việc gây quỹ trong nước hoặc quỹ từ các nhà tài trợ quốc tế, khu vực tư nhân, các cá nhân quan tâm hoặc các khoản tài trợ dự án lớn nhằm hỗ trợ cộng đồng quản lý rừng bền vững. Do đó, cơ cấu chi tiết và quản lý quỹ rừng cần được thiết kế và thảo luận giữa các bên liên quan để đáp ứng nhu cầu và mục tiêu chung của phát triển tài chính rừng. Để có thể tạo ra cơ chế khuyến khích khối tư nhân đầu tư vào bảo vệ và phát triển rừng, Thái Lan đã xây dựng hệ thống chứng nhận dựa trên tín dụng các-bon (chứ không phải là lâm sản truyền thống) với 3 lựa chọn:

- Tín dụng các-bon sẽ cần phải được chứng nhận thông qua quy trình và hệ thống chứng nhận rừng quốc gia từ việc tránh phát thải từ tránh phá rừng (ví dụ từ bảo vệ rừng) và cô lập các-bon (ví dụ: trồng lại rừng/trồng rừng, phục hồi rừng).
- Thiết lập một chứng chỉ rừng nơi mà các khoản tín dụng các-bon không được thiết kế để được bán trên thị trường các-bon. Thay vào đó, các khoản tín dụng có thể được cung cấp cho một khu vực tư nhân có thể yêu cầu các khoản tín dụng như là một phần của các sáng kiến trách nhiệm xã hội của công ty (CSR). Việc thiết lập này có thể đạt được thông qua thỏa thuận hợp tác giữa khu vực tư nhân (doanh nghiệp kinh doanh) và khu vực rừng được quản lý bởi người quản lý rừng (ví dụ: cộng đồng lâm nghiệp địa phương).
- Hỗ trợ và hợp tác không phải thông qua tín dụng các-bon mà là thông qua các hoạt động lâm nghiệp thực tế (phục hồi rừng, phục hồi, trồng rừng, trồng rừng). Mối quan hệ đối tác có thể được củng cố trong đó cộng đồng địa phương có thể được hỗ trợ bởi khu vực tư nhân để thực hiện các hoạt động quản lý rừng khác nhau như: phục hồi rừng, tái sinh tự nhiên, trồng rừng và trồng rừng và bảo vệ rừng.

Tại Châu Phi, Quỹ phát triển rừng cũng là hình thức mà các quốc gia Châu Phi xây dựng nhằm tạo nguồn thu cho ngành lâm nghiệp. Theo quan điểm của nhiều quốc gia, vai trò của rừng trong việc cung cấp lợi ích công cộng và tư nhân, quản lý bền vững rất lớn và phải có sự quản lý và đầu tư công trong việc phát triển tiềm năng sản xuất của ngành. Các quỹ phát triển lâm nghiệp, trong đó một phần tiền thu được từ các sản phẩm và dịch vụ lâm nghiệp được thu thập, đưa ra các ưu đãi và đền bù để liên tục cung cấp các dịch vụ kinh tế, sinh thái và xã hội vì lợi ích công cộng.

Các tiếp cận đối với Quyền sử dụng rừng truyền thống. Tại nhiều quốc gia, quyền sử dụng rừng truyền thống thường được thừa nhận trong luật pháp của tất cả các quốc gia tuy nhiên bị giới hạn chỉ phục vụ nhu cầu sinh hoạt mà loại trừ việc sử dụng lâm sản. Có một sự khác biệt tiêu biểu trong việc thực thi các quyền truyền thống trong các vườn quốc gia hoặc các vùng quy hoạch tại các nước Châu Phi. Quyền sử dụng rừng truyền thống sẽ được tôn trọng tuyệt đối trên các loại hình sử dụng đất khác, nhưng có thể bị hạn chế hoặc thậm chí bị bãi bỏ trong các khu rừng đã áp dụng các kế hoạch quản lý. Việc Úc có Chiến lược phát triển ngành lâm nghiệp đối với Người dân Bản địa (Hộp 1) hay Butan với Chiến lược phát triển lâm nghiệp dựa vào cộng đồng (Hộp 2) cũng thể hiện định hướng xu thế đi rất khác biệt so với các nước khác.

Hộp 1. Chiến lược Lâm nghiệp Bản địa Úc (Chính phủ Úc 2005)

Chiến lược bảo vệ và phát triển rừng cho người bản địa sẽ định hướng cho việc nhà nước bảo hộ và nâng cao sự tham gia của người bản địa trong lĩnh vực lâm sản và gỗ. Cụ thể hơn, chiến lược này có các mục tiêu sau:

- **Đối với cộng đồng dân cư bản địa.** Đời sống kinh tế của người bản địa được cải thiện, nâng cao sự tham gia của họ vào chuỗi sản xuất, kinh doanh, phát triển ngành công nghiệp gỗ, phát triển kinh tế xã hội, quản lý tài nguyên bền vững.
- **Đối với ngành công nghiệp gỗ.** Thúc đẩy sự phát triển bền vững của ngành công nghiệp gỗ và lâm sản ngoài gỗ thông qua phát triển quan hệ đối tác kinh doanh với người Úc bản địa, từ đó có thể đàm phán, thỏa thuận kinh doanh để tiếp cận vùng đất bản địa và nguồn nhân lực dồi dào. Thông qua quan hệ đối tác này, tri thức và giao lưu văn hóa sẽ được cải thiện.
- **Đối với cộng đồng và công chúng nói chung.** Việc quản lý rừng tốt hơn sẽ giúp cải thiện điều kiện xã hội, kinh tế, môi trường, văn hóa cũng như thúc đẩy và cải thiện sự tham gia của cộng đồng bản địa trong quan hệ đối tác kinh tế và xã hội mới.

Chiến lược này nhằm đảm bảo:

- Đóng góp vào sự phát triển chung và bền vững của các cộng đồng và cảnh quan bản địa nhưng vẫn đặt mục tiêu phát triển bền vững tài nguyên là quan trọng hàng đầu.
- Người dân bản địa tiếp tục có quyền và trách nhiệm đối với vùng đất và vùng biển truyền thống
- Vai trò của người bản địa trong việc quản lý và bảo tồn đất rừng và các tài nguyên thiên nhiên liên quan phải được công nhận.
- Di sản văn hóa và các giá trị phải được tôn trọng.
- Các hoạt động phải nhất quán và có trách nhiệm trong một cách tiếp cận tổng thể, tích hợp để quản lý rừng và rừng trồng.
- Các hoạt động phải thiết thực và có tính đến các quy trình pháp lý và quy định, cùng với các cấu trúc chính trị và xã hội.

Cách tiếp cận với việc xử lý cháy rừng. Liên quan đến việc bảo vệ và phòng cháy chữa cháy, các văn bản phản ánh hai quan điểm khác nhau của 12 nước Châu Phi. Một số quốc gia thừa nhận hỏa hoạn và chặn thả là các hình thức sử dụng truyền thống trong các khu vực rừng và xác định các tiêu chí theo đó các mục đích sử dụng này có thể bị hạn chế và ở mức độ nào nhưng không có biện pháp cấm nghiêm ngặt. Trong lúc đó, có một số nước lại quy định việc sử dụng lửa và chặn thả là các hoạt động bị cấm.

Hướng tới nền kinh tế tuần hoàn. Chiến lược tới năm 2030 của Bộ Nông nghiệp và Lâm nghiệp Phần Lan (tầm nhìn đến năm 2030) định hướng rằng sự phát triển của ngành lâm nghiệp sẽ đóng góp vào nền kinh tế sinh học và kinh tế tuần hoàn có trách nhiệm với tài nguyên và xã hội, đồng thời trở thành một phần không thể thiếu trong việc xây dựng Phần Lan trở thành một nước cạnh tranh và có phúc lợi cao vào năm 2030. Đây là một định hướng mới do vậy Phần Lan và Khối Châu Âu đã dành rất nhiều ngân sách để tổ chức nghiên cứu hiện thực hóa tầm nhìn này.

Hộp 2. Bhutan/Chiến lược quốc gia về lâm nghiệp cộng đồng 2010–2020 (Bộ Nông nghiệp và Lâm nghiệp Bhutan 2010)

Các cộng đồng nông thôn được trao quyền quản lý rừng cộng đồng một cách bền vững để đáp ứng phần lớn nhu cầu gỗ và các hàng hóa và dịch vụ lâm nghiệp khác, thu được lợi ích kinh tế từ việc bán lâm sản và dịch vụ, và góp phần giảm đói nghèo ở nông thôn. Cụ thể:

1. Tăng cường khung pháp lý cho Lâm nghiệp Cộng đồng để đảm bảo sự khích lệ thay vì bắt buộc
2. Quản lý rừng cộng đồng bằng cách áp dụng các nguyên tắc quản lý rừng bền vững để đạt được cả kết quả bảo tồn và phát triển
3. Quản lý rừng cộng đồng để tạo thu nhập cũng như một loạt các hàng hóa và dịch vụ khác
4. Quản lý rừng cộng đồng để góp phần giảm đói nghèo ở nông thôn
5. Đáp ứng yêu cầu gỗ ở nông thôn từ Rừng Cộng đồng ở mức độ tối ưu nhất có thể
6. Trên cơ sở quản lý rừng cộng đồng dựa vào nguyên tắc quản trị tốt (minh bạch, trách nhiệm, tham gia, có tầm nhìn, trao quyền, tính bao quát, chia sẻ công bằng và lợi ích) và phù hợp với các chính sách chia sẻ lợi ích và phân quyền cho các cấp
7. Nâng cao nhận thức của công chúng và cán bộ nhà nước về tất cả các khía cạnh của Lâm nghiệp cộng đồng
8. Xây dựng năng lực lập kế hoạch và quản lý Rừng cộng đồng
9. Xây dựng cơ sở kỹ thuật và phương pháp kinh tế xã hội đối với Lâm nghiệp cộng đồng về khoa học tốt
10. Theo dõi và đánh giá kết quả môi trường và kinh tế xã hội của Lâm nghiệp cộng đồng

Tầm nhìn:

- Rừng cộng đồng được trao cho tất cả các cộng đồng nông thôn có khả năng và sẵn sàng quản lý và được quản lý bền vững để tạo ra nhiều loại hàng hóa và dịch vụ;
- Rừng cộng đồng được quản lý để cung cấp: phần lớn lâm sản cần thiết để duy trì sinh kế cơ bản ở nông thôn; thu nhập từ khai thác thương mại và tiếp thị gỗ, các sản phẩm lâm sản và dịch vụ môi trường; góp phần xóa đói giảm nghèo;
- Các cán bộ lâm nghiệp của chính phủ được đào tạo trở thành cố vấn cộng đồng và khuyến nông để hỗ trợ quản lý Rừng cộng đồng bằng Nhóm quản lý rừng Cộng đồng;
- Quản lý Rừng cộng đồng dựa trên nền tảng khoa học bền vững;
- Quản lý được thực hiện một cách linh hoạt và hành động kịp thời để đối phó một cách tích cực với hệ quả xã hội và hậu quả khôn lường trước cũng như những cú sốc trong tương lai từ biến đổi khí hậu hoặc các sự kiện khác.

5 Kết luận

Tùy vào bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội và định hướng về vai trò của ngành lâm nghiệp trong tổng thể phát triển của đất nước, 53 quốc gia nghiên cứu trong báo cáo này có cách tiếp cận riêng trong việc xây dựng Chiến lược và chính sách phát triển lâm nghiệp của mình. Mặc dù vậy, các chiến lược và phát triển ngành lâm nghiệp của 53 quốc gia đều đề cập đến ưu tiên đối với (i) bảo tồn đa dạng sinh học; (ii) ưu tiên đầu tư vào bảo vệ rừng tự nhiên và tái trồng rừng; (iii) phát triển ngành công nghiệp gỗ và sản phẩm lâm nghiệp có giá trị gia tăng và tính cạnh tranh cao; (iv) quản lý rừng bền vững; (v) khuyến khích sự tham gia của các bên, đặc biệt là khối tư nhân và trao quyền cho cộng đồng địa phương; (vi) nâng cao năng lực cho cán bộ nhà nước trong việc thực thi pháp luật và tiến hành quản trị lâm nghiệp hiệu quả; (vii) mở rộng và đầu tư trọng điểm vào các nghiên cứu khoa học cơ bản và phát triển công nghệ và phát triển thị trường cho các sản phẩm mới; (viii) quản lý hiệu quả và mở rộng diện tích khu bảo tồn để đảm bảo sức sống của hệ sinh thái cũng như đạt được các mục tiêu liên quan đến bảo tồn đa dạng sinh học; (ix) xây dựng hệ thống giám sát và đánh giá ngành; (x) tiếp cận đa ngành và nâng cao vai trò của ngành lâm nghiệp trong xóa đói giảm nghèo, đóng góp của ngành lâm nghiệp với các ngành nghề khác, góp phần vào phát triển nông thôn, thích ứng và giảm thiểu với khí hậu và an sinh xã hội; và (xi) nhấn mạnh vai trò của Nhà nước và khối tư nhân trong đảm bảo phát triển khoa học và công nghệ.

Tuy có nhiều điểm chung trong nội dung Chiến lược phát triển Lâm nghiệp, một số quốc gia cũng có cách tiếp cận mới và khác biệt khi định hình sự phát triển của ngành trong tương lai thông qua: (i) gắn trách nhiệm trồng rừng với từng công dân; (ii) hỗ trợ chuyển đổi thành rừng tại những nơi có giá trị đa dạng sinh học cao; (iii) xây dựng các khu rừng vì phúc lợi xã hội và dành cho công chúng; (iv) xây dựng Chiến lược huy động tài chính cho ngành lâm nghiệp; (v) cách tiếp cận mới đối với Quyền sử dụng rừng truyền thống; (vi) cách tiếp cận với việc xử lý cháy rừng; (vii) lâm nghiệp đô thị và (viii) hướng tới nền kinh tế tuần hoàn.

Các quốc gia cũng có 3 cách tiếp cận khi xác định mục tiêu tỉ lệ che phủ rừng quốc gia: i) đề cập cụ thể tỉ lệ che phủ rừng trong chiến lược và chính sách (dao động từ 23–70%); (ii) không đề cập đến tỉ lệ che phủ rừng trong chiến lược và chính sách; (iii) có đề cập đến mục tiêu quản lý bảo vệ rừng nhưng không lựa chọn giải pháp tỉ lệ che phủ rừng mà tập trung vào đảm bảo diện tích rừng được sử dụng cho các mục đích cụ thể. Mỗi phương án liên quan đến xác định tỉ lệ che phủ rừng đều có ưu, nhược điểm riêng và tùy vào bối cảnh chính trị, thể chế quản lý và sở hữu đất đai mà các nước lựa chọn phương án phù hợp nhất đối với mình. Tuy nhiên, xác định mục tiêu tỉ lệ che phủ rừng cần phải được đi kèm với các chính sách nâng cao chất lượng rừng, bảo tồn đa dạng sinh học để đảm bảo cả số lượng và chất lượng rừng đều được cải thiện. Xây dựng chiến lược lâm nghiệp cũng cần dựa trên số liệu và dự báo của cả ngành lâm nghiệp và các ngành khác, xu thế chính trị, kinh tế, văn hóa, và xã hội trên toàn cầu và mục tiêu chính trị của từng quốc gia. Hòa hòa giữa các mục tiêu phát triển kinh tế và xã hội, xây dựng chính sách nâng cao nguồn lực con người và kinh tế và xây dựng chiến lược có sự tham gia của các bên và dựa trên cam kết chính trị của quốc gia sẽ giúp việc thực thi chiến lược trong tương lai hiệu quả hơn.

Tài liệu tham khảo

- Arets EJMM and Schelhaas M. 2019. *National Forestry Accounting Plan: Submission of the Forest Reference Level 2021–2025 for the Netherlands*. Ministerie LNV. <https://english.rvo.nl/sites/default/files/2019/12/National%20Forestry%20Accounting%20Plan.pdf?fbclid=IwAR0yLOZYxkqKMTRL9tEBmNLrFBhDnJz91kzv5rk7LExlMln1vodpDGFDyY>
- Bộ Nông nghiệp và Lâm nghiệp Bhutan. 2010. Chiến lược quốc gia về lâm nghiệp cộng đồng - Con đường phía trước. http://dofps.gov.bt/wp-content/uploads/2016/03/Community-Forestry-Strategy.pdf?fbclid=IwAR1H9U2UZINa9LSKsTj3_rNRnaW0yYjQa9VCIWFj1aPZUHeSxdUihpmCQ8A
- Bộ Nông nghiệp và Lâm nghiệp Phần Lan. n.d. *Chiến lược tới năm 2030*. <https://mmm.fi/documents/1410837/1708297/Ministry+of+Agriculture+and+Forestry%27s+Strategy+2030/d2c8f012-b2a8-74ea-ca9c-55bf043be6a5/Ministry+of+Agriculture+and+Forestry%27s+Strategy+2030.pdf>
- Bộ Nông nghiệp và Lâm nghiệp Phần Lan. 2019. Chiến lược Lâm nghiệp Quốc gia Phần Lan 2025: Hướng tới tăng trưởng phúc lợi. https://mmm.fi/documents/1410837/2000444/Brochure_National_Forest_Strategy_2025_updated_version.pdf/9e32e0b9-ee2a-b906-8222-8c3a7df5f7d0/Brochure_National_Forest_Strategy_2025_updated_version.pdf
- Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản Cam-pu-chia. 2010. *Chương trình Lâm nghiệp Quốc gia 2010–2029*. http://www.cdc-crdb.gov.kh/cdc/documents/Sector_Strategy/6_Forestry_Reform/National_Forest_Programme_2010_2029_Eng.pdf
- Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Môi trường và Nước Áo. 2014. Chiến lược đa dạng sinh học Áo 2020+. <https://www.cbd.int/doc/world/at/at-nbsap-v3-en.pdf>
- Bộ Tài nguyên Rwanda. 2017. Chiến lược Lâm nghiệp Rwanda 2017. <http://extwprlegs1.fao.org/docs/pdf/rwa174363.pdf>
- Chính phủ Úc. 2019. Chiến lược Rừng bản địa Quốc gia. https://www.agriculture.gov.au/sites/default/files/sitecollectiondocuments/forestry/australias-forest-policies/nifs_strategy.pdf
- Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. 2019. *Luật Lâm nghiệp của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa*. <https://www.atibt.org/wp-content/uploads/2020/01/China-Forest-Law-Amendment-2020-20191228.pdf>
- Cục Lâm nghiệp Hoàng gia Thái Lan. 2019. *Chiến lược Tài chính Lâm nghiệp Quốc gia Thái Lan*. Bộ Tài nguyên và Môi trường Thái Lan.
- Eustafor. n.d. Hungary xây dựng Chiến lược Lâm nghiệp Quốc gia 2016–2030. <https://eustafor.eu/hungary-adopts-new-national-forest-strategy-2016-2030/?fbclid=IwAR36F1wGILPoPId47N0HwtWPf2tJNeE0k0qD1K5mrZeUTVuz56jd8rIS-xM>
- G8. 2002. *Chương trình hành động G8 về rừng - Báo cáo cuối cùng*. <https://www.mofa.go.jp/policy/economy/summit/2002/g8forest2.html>
- Hoffmann S, Jaeger D and Shuirong W. 2018. Adapting Chinese Forest Operations to Socio-Economic Developments: What is the Potential of Plantations for Strengthening Domestic Wood Supply?. *Sustainability*, 10(4), p.1042. <https://www.mdpi.com/2071-1050/10/4/1042/htm>
- [IPO] Interprovinciaal Overleg. 2017. *Derde Voortgangsrapportage Natuur - Provinciaal natuurbelied in uitvoering 2016*. Den Haag, Nederland: IPO. https://www.bij12.nl/assets/IPOboekje_Derde_Voortgangsrapportage_Natuur_DEF2.pdf
- Kaliszewski A. 2018. Forest policy goals in Poland in light of the current forestry aims in Europe Part 4. Trends in forest policy of selected European countries. *Forest Research Papers*, 79(4), pp.345–354.
- Kohler V and Schmithüsen F. 2005. *Comparative Analysis of Forest Laws in Twelve Sub-Saharan African Countries*. FAO. <http://www.fao.org/3/a-bb070e.pdf>

- Liên minh Châu Âu (EU). 2013. *Chiến lược lâm nghiệp mới của EU: đối với rừng và ngành dựa vào tài nguyên rừng*. https://eur-lex.europa.eu/resource.html?uri=cellar:21b27c38-21fb-11e3-8d1c-01aa75ed71a1.0022.01/DOC_1&format=PDF.
- Scotland Wildfire Trust. 2018. *Chiến lược lâm nghiệp Scotland từ 2019–2029*. <https://scottishwildlifetrust.org.uk/wp-content/uploads/2018/11/Scottish-Wildlife-Trust-Response-to-Forestry-Strategy.pdf>
- Te Uru Rākau New Zealand. 2020. Một chiến lược lâm nghiệp cho Aotearoa New Zealand. <https://www.teururakau.govt.nz/te-uru-rakau-forestry-new-zealand/about-te-uru-rakau/a-forest-strategy-for-aotearoa-new-zealand/?fbclid=IwAR2hmQ1wpK2tabLXHYgR45UMrYEhXGlosbgbeXVslWbt4mYAC4uO7-zS4L0>
- Vongvisouk T, Thongmanivong S, Komany S, Inthaboualy I, Pham TT, Moeliono M, Bong IW and Phompila C. 2020. Lao PDR's Nationally Determined Contribution (NDC): Progress, opportunities, and challenges in the forestry sector.
- Xinhua. 2019. Trọng tâm của Trung Quốc: Trung Quốc đặt mục tiêu trồng rừng cao. http://www.xinhuanet.com/english/2019-03/12/c_137889111.htm
- Yudego BM. 2002. *A comparison between national forest programmes of some EU-member states*. National Board of Forestry Publishing Company.

Các báo cáo chuyên đề của CIFOR bao gồm các kết quả nghiên cứu sơ bộ hoặc nâng cao về các vấn đề về rừng ở các khu vực nhiệt đới và cận được công bố vào thời điểm thích hợp để tạo ra và thúc đẩy các cuộc thảo luận. Nội dung báo cáo đã được rà soát nội bộ nhưng chưa trải qua quá trình bình duyệt từ các chuyên gia bên ngoài tổ chức.

Sự phát triển bền vững của ngành lâm nghiệp toàn cầu giai đoạn 2020- 2050 phụ thuộc rất nhiều vào định hướng phát triển chính sách ngành tại của từng quốc gia. Báo cáo này rà soát chiến lược và chính phát triển lâm nghiệp của 53 nước trên thế giới (trong đó có 6 nước châu Á, 30 nước châu Âu, 2 nước châu Mỹ, 13 nước châu Phi và 2 nước châu Đại Dương) nhằm cung cấp thông tin đầu vào cho Tổng Cục Lâm Nghiệp trong quá trình xây dựng Chiến lược Phát triển lâm nghiệp Việt Nam 2021- 2030, tầm nhìn 2050. Tùy vào bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội và định hướng về vai trò của ngành lâm nghiệp trong tổng thể phát triển của đất nước, 53 quốc gia nghiên cứu trong báo cáo này có cách tiếp cận riêng trong việc xây dựng Chiến lược và chính sách phát triển lâm nghiệp của mình. Mặc dù vậy, các chiến lược và phát triển ngành lâm nghiệp của 53 quốc gia đều đề cập đến ưu tiên đối với (i) bảo tồn đa dạng sinh học; (ii) ưu tiên đầu tư vào bảo vệ rừng tự nhiên và tái trồng rừng; (iii) phát triển ngành công nghiệp gỗ và sản phẩm lâm nghiệp có giá trị gia tăng và tính cạnh tranh cao; (iv) quản lý rừng bền vững; (v) khuyến khích sự tham gia của các bên, đặc biệt là khối tư nhân và trao quyền cho cộng đồng địa phương; (vi) nâng cao năng lực cho cán bộ nhà nước trong việc thực thi pháp luật và tiến hành quản trị lâm nghiệp hiệu quả; (vii) mở rộng và đầu tư trọng điểm vào các nghiên cứu khoa học cơ bản và phát triển công nghệ và phát triển thị trường cho các sản phẩm mới; (viii) quản lý hiệu quả và mở rộng diện tích khu bảo tồn để đảm bảo sức sống của hệ sinh thái cũng như đạt được các mục tiêu liên quan đến bảo tồn đa dạng sinh học; (ix) xây dựng hệ thống giám sát và đánh giá ngành; (x) tiếp cận đa ngành và nâng cao vai trò của ngành lâm nghiệp trong xóa đói giảm nghèo, đóng góp của ngành lâm nghiệp với các ngành nghề khác, góp phần vào phát triển nông thôn, thích ứng và giảm thiểu với khí hậu và an sinh xã hội; và (xi) nhấn mạnh vai trò của Nhà nước và khối tư nhân trong đảm bảo phát triển khoa học và công nghệ.

Tuy có nhiều điểm chung trong nội dung Chiến lược phát triển Lâm nghiệp, một số quốc gia cũng có cách tiếp cận mới và khác biệt khi định hình sự phát triển của ngành trong tương lai thông qua (i) gắn trách nhiệm trồng rừng với từng công dân; (ii) hỗ trợ chuyển đổi thành rừng tại những nơi có giá trị đa dạng sinh học cao; (iii) xây dựng các khu rừng vì phúc lợi xã hội và dành cho người dân; (iv) xây dựng Chiến lược huy động tài chính cho ngành lâm nghiệp; (v) cách tiếp cận mới đối với Quyền sử dụng rừng truyền thống; (vi) cách tiếp cận với việc xử lý cháy rừng; và (vii) lâm nghiệp đô thị và (viii) hướng tới nền kinh tế tuần hoàn.

Các quốc gia cũng có 3 cách tiếp cận khi xác định mục tiêu tỉ lệ che phủ rừng quốc gia: i) đề cập cụ thể tỉ lệ che phủ rừng trong chiến lược và chính sách (dao động từ 23%- 70%); (ii) không đề cập đến tỉ lệ che phủ rừng trong chiến lược và chính sách; (iii) có đề cập đến mục tiêu quản lý bảo vệ rừng nhưng không lựa chọn giải pháp tỉ lệ che phủ rừng mà tập trung vào đảm bảo diện tích rừng được sử dụng cho các mục đích cụ thể. Mỗi phương án liên quan đến xác định tỉ lệ che phủ rừng đều có ưu, nhược điểm riêng và tùy vào bối cảnh chính trị, thể chế quản lý và chế độ sở hữu đất đai mà các nước lựa chọn phương án phù hợp nhất đối với mình. Tuy nhiên, xác định mục tiêu tỉ lệ che phủ rừng cần được đi kèm với các chính sách nâng cao chất lượng rừng, bảo tồn đa dạng sinh học để đảm bảo cả số lượng và chất lượng rừng đều được cải thiện. Xây dựng chiến lược lâm nghiệp cũng cần dựa trên số liệu và dự báo của cả ngành lâm nghiệp và các ngành khác, đồng thời dựa trên xu thế chính trị, kinh tế, văn hóa, và xã hội toàn cầu và mục tiêu chính trị của từng quốc gia. Hòa hòa giữa các mục tiêu phát triển kinh tế và xã hội, xây dựng chính sách nâng cao nguồn lực con người và kinh tế và xây dựng chiến lược có sự tham gia của các bên và dựa trên cam kết chính trị của quốc gia sẽ giúp việc thực thi chiến lược hiệu quả trong tương lai.

RESEARCH
PROGRAM ON
Forests, Trees and
Agroforestry

Chương trình nghiên cứu của CGIAR về Rừng, Cây gỗ và Nông lâm kết hợp (FTA) là chương trình phát triển nghiên cứu lớn nhất thế giới nhằm nâng cao vai trò của rừng, cây gỗ và nông lâm kết hợp với mục tiêu phát triển bền vững và đảm bảo lương thực để ứng phó với biến đổi khí hậu. CIFOR chủ trì các nghiên cứu FTA trong mối quan hệ đối tác chiến lược với Bioversity International, CATIE, CIRAD, INBAR, ICRAF và TBI.

Nghiên cứu này được hỗ trợ bởi Quỹ đối tác CGIAR: cigar.org/funders/

cifor.org | forestsnews.cifor.org

Norad

Trung tâm Nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế (CIFOR)

CIFOR thúc đẩy sự phần vinh của nhân loại, cải thiện bảo vệ môi trường và thúc đẩy sự bình đẳng thông qua tiến hành các nghiên cứu sáng tạo, nâng cao năng lực của các bên đối tác, tích cực tham gia đối thoại với các bên liên quan để hỗ trợ định hình chính sách và thực tiễn tác động tới rừng và con người. CIFOR là tổ chức nghiên cứu thuộc liên minh CGIAR và chủ trì các chương trình nghiên cứu của CGIAR về Rừng, Cây gỗ và Nông lâm kết hợp (FTA). Trụ sở chính của CIFOR đặt tại Bogor, Indonesia và các văn phòng của CIFOR có mặt tại Nairobi, Kenya; Yaounde, Cameroon; Lima, Peru và Bonn, Germany.